

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH LẠNG SƠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 75/2020/DS-PT

Ngày 25-12-2020

V/v tranh chấp quyền sử dụng đất,  
yêu cầu bồi thường thiệt hại về tài sản  
và hủy Giấy chứng nhận quyền sử  
dụng đất

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN**

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Hồ Đức Châm;

*Các Thẩm phán:* Ông Cao Đức Chiến;

Ông Vi Đức Trí.

***-Thư ký phiên tòa:*** Bà Tạ Thị Hồng Trâm - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn.

***- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa:*** Bà Lăng Thị Hương - Kiểm sát viên.

Trong ngày 25 tháng 12 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 54/2020/TLPT-DS, ngày 19 tháng 10 năm 2020 về tranh chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất, yêu cầu bồi thường thiệt hại về tài sản và hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 07/2020/DS-ST, ngày 20 tháng 8 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn bị kháng cáo, kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 86/2020/QĐ-PT, ngày 27 tháng 11 năm 2020; Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 94/2020/QĐ-PT, ngày 15 tháng 12 năm 2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn; giữa các đương sự:

***- Nguyên đơn:*** Bà Trần Thị M; cư trú tại: Xã H, thành phố M, tỉnh Quảng Ninh; có mặt.

***- Bị đơn:*** Ông Hoàng Văn N; cư trú tại: Thôn N, xã S, huyện L, tỉnh Lạng Sơn, (chết ngày 12/5/2020).

***Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Hoàng Văn N:*** Bà Trần Thị Đ; cư trú tại: Thôn N, xã S, huyện L, tỉnh Lạng Sơn theo Giấy ủy quyền ngày 05/6/2020; có mặt.

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn ông Hoàng Văn N và bà Trần Thị Đ:* Bà Lương Thị Hương L - Trợ giúp viên pháp lý, Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

*- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*

1. Ông Bế Văn H; cư trú tại: Xã H, thành phố M, tỉnh Quảng Ninh; vắng mặt.

*Người đại diện theo ủy quyền của ông Bế Văn H:* Bà Trần Thị M, theo Giấy ủy quyền ngày 14/10/2020; có mặt.

2. Chị Hoàng Thị B; cư trú tại: Thôn N, xã S, huyện L, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

3. Anh Hoàng Văn Đ; cư trú tại: Thôn N, xã S, huyện L, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

*Người đại diện theo ủy quyền của chị Hoàng Thị B; anh Hoàng Văn Đ:* Bà Trần Thị Đ, theo Giấy ủy quyền ngày 27/02/2020; có mặt.

4. Ông Bế Văn N; cư trú tại: Thôn N, xã S, huyện L, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

5. Ủy ban nhân dân (viết tắt là UBND) huyện L, tỉnh Lạng Sơn.

*Người đại diện theo ủy quyền:* Ông Bùi Xuân M - Phó trưởng phòng Tài nguyên và môi trường huyện L, tỉnh Lạng Sơn, (Quyết định ủy quyền số 610/QĐ-UBND ngày 06-3-2020); có mặt.

*- Người làm chứng*

1. Ông Hoàng Văn D, sinh năm 1966; cư trú tại: Thôn N, xã S, huyện L, tỉnh Lạng Sơn; có mặt;

2. Ông Vi Văn Q, sinh năm 1965; cư trú tại: Thôn N, xã S, huyện L, tỉnh Lạng Sơn; có mặt;

3. Ông Hoàng Văn H, sinh năm 1965; cư trú tại: Thôn N, xã S, huyện L, tỉnh Lạng Sơn; có mặt;

4. Ông Bế Văn B, sinh năm 1976, cư trú tại: Thôn N, xã S, huyện L, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

*- Người kháng cáo:* Bà Trần Thị Đ là bị đơn.

*- Viện kiểm sát kháng nghị:* Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo tài liệu có trong hồ sơ vụ án và Bản án dân sự sơ thẩm, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

*Nguyên đơn bà Trần Thị M trình bày:* Bà khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất, yêu cầu bồi thường

thiệt hại về tài sản. Tổng diện tích đất tranh chấp là 12.247m<sup>2</sup>, thuộc thửa đất số 738, tờ bản đồ số 03, bản đồ địa chính đất lâm nghiệp; địa danh: Đồi N1, thôn N, xã S, huyện L, tỉnh Lạng Sơn. Nguồn gốc đất tranh chấp là của ông cha để lại. Năm 1996, gia đình đã trồng khoảng 500 cây thông trên đỉnh đồi; hiện nay số cây còn sống khoảng 200 cây. Năm 1998, chồng bà là ông Bé Văn H đi bộ đội nên khi nhà nước đi giao đất, giao rừng, anh trai chồng là ông Bé Văn B đi nhận hộ và được cấp Sổ bìa xanh hay không bà không biết. Năm 2000, UBND huyện L, tỉnh Lạng Sơn đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (viết tắt là GCNQSDĐ) đối với thửa đất trên cho bố chồng bà là ông Bé Văn T. Năm 2002, bà về làm dâu tiếp tục trồng dặm thêm 300 cây thông trên đất; năm 2004 gia đình đã khai thác nhựa những cây thông do ông Bé Văn H trồng từ năm 1996.

Năm 2007, bố chồng là ông Bé Văn T chia thửa đất tranh chấp cho chồng bà là ông Bé Văn H quản lý sử dụng (chia bằng miệng, không lập thành văn bản). Do kinh tế khó khăn nên vợ chồng bà đi thành phố M, tỉnh Quảng Ninh làm ăn nhưng hàng năm vẫn về chăm sóc rừng thông, phát cây, tỉa cành. Quá trình quản lý, sử dụng từ năm 1996 đến năm 2016 không xảy ra tranh chấp. Năm 2017 gia đình bà tiến hành kê khai đăng ký quyền sử dụng đất và ngày 30/5/2017 đã được cấp GCNQSDĐ. Tháng 6/2017, bà Trần Thị Đ và ông Hoàng Văn N đến tranh chấp, bà đã yêu cầu xã hòa giải nhưng bà Trần Thị Đ vắng mặt không hòa giải được. Đến tháng 5/2019, bà Trần Thị Đ lại tiếp tục đến cạo nhựa thông; chặt phá 11 cây thông trồng từ năm 2003, 01 bụi tre khoảng 100 cây thuộc loại măng ngọt và dùng dao dóc vỏ 97 cây thông để cây chết.

Nay bà khởi kiện tại Tòa án yêu cầu quản lý, sử dụng toàn bộ diện tích đất tranh chấp là 12.247m<sup>2</sup>; sở hữu 74 cây thông trên đất; yêu cầu bà Trần Thị Đ bồi thường toàn bộ số cây thông bà đã chặt phá. Trong trường hợp đất thuộc quyền quản lý, sử dụng của bà Trần Thị Đ thì bà yêu cầu bà Trần Thị Đ phải bồi thường cho bà số cây thông đã bị chặt phá và giá trị bằng tiền của 74 cây thông trên đất tranh chấp. Về các chi phí tố tụng, bà đề nghị xem xét theo quy định của pháp luật.

Quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm, bà Trần Thị M đã rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với diện tích 2.092m<sup>2</sup>, do không liên quan đến thửa đất tranh chấp, chỉ yêu cầu được quản lý sử dụng đối với 10.150m<sup>2</sup> đất tranh chấp.

*Bị đơn bà Trần Thị Đ trình bày:* Nguồn gốc diện tích đất tranh chấp là do nhà nước giao đất cho gia đình bà năm 1998 theo Hồ sơ đăng ký số 139 Hạt kiểm lâm huyện L, tỉnh Lạng Sơn ngày 15/8/1998, diện tích khoảng 3,1 ha thuộc số lô 309, tiểu khu K và N, nay thuộc thửa đất số: 738 tờ bản đồ số 03, bản đồ địa chính đất lâm nghiệp xã S, huyện L, tỉnh Lạng Sơn. Năm 1999, gia đình bà đã trồng thông trên đất nhưng không biết còn sống bao nhiêu cây. Gia đình ông Bé Văn H đã trồng khoảng 50-60 cây thông từ trên đỉnh đồi trước năm 1998, gia đình bà đã yêu cầu gia đình ông Bé Văn H di dời cây thông để trả lại đất cho gia đình bà. Năm 1999, UBND xã S, huyện L, tỉnh Lạng Sơn đã thu hồi Sổ bìa xanh của gia đình bà để làm thủ tục cấp GCNQSDĐ. Tuy nhiên, sau đó, UBND xã thông báo đất rừng của gia đình bà là rừng phòng hộ nên không được cấp GCNQSDĐ. Từ năm 1998 đến nay, gia đình bà đã quản lý, sử dụng thường xuyên không xảy ra tranh chấp.

Năm 2017, bà Trần Thị M đã được cấp GCNQSDĐ đối với thửa đất của gia đình bà đang quản lý nên mới xảy ra tranh chấp. Nay bà Trần Thị M khởi kiện yêu cầu được quản lý, sử dụng diện tích đất tranh chấp bà không đồng ý, bà yêu cầu được tiếp tục quản lý, sử dụng toàn bộ diện tích đất tranh chấp; yêu cầu hủy GCNQSDĐ do UBND huyện L, tỉnh Lạng Sơn đã cấp cho bà Trần Thị M; yêu cầu được sở hữu toàn bộ tài sản trên đất, không chấp nhận bồi thường thiệt hại về số cây thông và cây măng bị chặt vì các cây bà chặt đều là của bà trồng. Về chi phí tố tụng yêu cầu giải quyết theo quy định của pháp luật.

*Ý kiến của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*

Tại các biên bản lấy lời khai, ông Bé Văn H đều nhất trí với ý kiến của bà Trần Thị M và không có ý kiến khác.

Ông Hoàng Văn N nhất trí với ý kiến của bà Trần Thị Đ và không có ý kiến khác.

Ông Bé Văn N, xác định trên diện tích đất tranh chấp có một ngôi mộ cổ của gia đình ông, đã có từ năm 1960, trước khi nhà nước giao đất giao rừng cho dân. Vì vậy, khi giải quyết tranh chấp đất giữa bà Trần Thị M và bà Trần Thị Đ, ông yêu cầu được giữ nguyên ngôi mộ của gia đình ông và được quản lý diện tích đất xung quanh cách ngôi mộ mỗi bên tối thiểu là 15m trở lên.

Người Đại diện theo ủy quyền của UBND huyện L, tỉnh Lạng Sơn trình bày: Đối với GCNQSDĐ số: CG842870, sổ vào sổ: CH00546 tại thửa đất số 738, tờ bản đồ số 03, diện tích 12.247 m<sup>2</sup> bản đồ địa chính đất lâm nghiệp xã S, huyện L, tỉnh Lạng Sơn đo đạc năm 2010; địa danh: Thôn N, xã S, huyện L, tỉnh Lạng Sơn do UBND huyện L, tỉnh Lạng Sơn cấp cho ông Bé Văn H và bà Trần Thị M là hợp pháp, đúng quy trình, thủ tục theo quy định của pháp luật. Đối với Hồ sơ và thủ tục cấp Hồ sơ giao quyền quản lý, sử dụng và đất trồng rừng, hồ sơ đăng ký số: 139, ngày 15/8/1998 tại Hạt kiểm lâm huyện L, tỉnh Lạng Sơn, diện tích khoảng 3,1 ha thuộc lô số 309, tiểu khu K cấp cho chủ hộ là ông Hoàng Văn N, hiện nay hồ sơ đã bị thất lạc, do vậy không có căn cứ để xác định được hai địa danh K và N là một. Vì vậy, đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại kết quả xem xét thẩm định tại chỗ ngày 21/4/2020 của Tòa án nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn xác định diện tích đất tranh chấp là 12.247m<sup>2</sup>, thuộc thửa số 738, tờ bản đồ số 03, bản đồ địa chính đất lâm nghiệp, tại đồi N1, thôn N, xã S, huyện L, tỉnh Lạng Sơn được UBND huyện L, tỉnh Lạng Sơn cấp GCNQSDĐ, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: Seri: CG842870, sổ vào sổ CH00546 cho hộ ông Bé Văn H ngày 30/5/2017. Trên đất tranh chấp có 74 cây thông có đường gốc từ 21 cm - 30 cm. Quá trình giải quyết vụ án, bà Trần Thị M có đơn đề nghị giám định tuổi cây thông trên đất tranh chấp. Tại Kết luận giám định tuổi cây của Chi cục Kiểm lâm tỉnh Lạng Sơn xác định mẫu cây thông mang đi giám định có độ tuổi là 16± 1 năm (cây thông trồng năm 2003 hoặc năm 2004).

*Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 07/2020/DS-ST ngày 20/8/2020 của Tòa án nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn đã quyết định:*

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị M: Hộ ông Bé Văn H và bà Trần Thị M được quyền quản lý và sử dụng thuộc thửa số 738, tờ bản đồ số 03 tờ bản đồ địa chính đất lâm nghiệp xã S, huyện L, tỉnh Lạng Sơn đo đạc năm 2010, diện tích 9.623m<sup>2</sup>, địa danh: Thôn N, xã S, huyện L, tỉnh Lạng Sơn theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo số: Seri: CG842870, số vào sổ số: GCNCH00546 cấp cho hộ ông Bé Văn H và được sở hữu 74 cây thông trên đất có đường gốc từ 21cm - 30cm.

2. Buộc bà Trần Thị Đ phải bồi thường giá trị số cây thông đã bị chặt, bị dóc vỏ cho bà Trần Thị M gồm: Cây thông có đường kính gốc từ 05cm - 10cm, 11 cây; cây thông có đường kính gốc từ 11cm - 20cm là 11 cây; cây thông có đường kính gốc từ 21cm - 30cm là 86 cây; 100 cây vầu. Tổng giá trị tài sản bị thiệt hại yêu cầu bồi thường là: 11.546.000 đồng (mười một triệu năm trăm bốn mươi sáu nghìn đồng).

3. Không chấp nhận yêu cầu của bà Trần Thị Đ về hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo số: Seri: CG842870, số Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: GCNCH00546 cấp cho hộ ông Bé Văn H và bà Trần Thị M.

4. Ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn với ông Bé Văn N về diện tích và phần đường đi lên ngôi mộ với tổng diện tích là 527m<sup>2</sup>.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn tuyên về lãi suất chậm trả, án phí, quyền kháng cáo của các đương sự và quyền yêu cầu thi hành án theo quy định của pháp luật.

Trong thời hạn luật định, bị đơn bà Trần Thị Đ kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm hủy Bản án dân sự sơ thẩm số: 07/2020/DS-ST ngày 20 tháng 8 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn theo hướng hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Ủy ban nhân dân huyện L, tỉnh Lạng Sơn đã cấp cho bà Trần Thị M; công nhận quyền quản lý sử dụng toàn bộ diện tích đất tranh chấp cho gia đình bà.

Tại Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 42/QĐKNPT-VKS-DS ngày 21/9/2020 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm hủy toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số: 07/2020/DS-ST ngày 20 tháng 8 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa giữ nguyên quan điểm kháng nghị.

Quan điểm giải quyết vụ án: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và các đương sự chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ, lời trình bày của các đương sự tại phiên tòa, thấy cấp sơ thẩm đã có những vi phạm nghiêm trọng về thủ

tục tố tụng trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án ông Hoàng Văn N (chết), đã có sự thay đổi về địa vị tố tụng, Tòa án cấp sơ thẩm không xác định lại địa vị tố tụng của người thừa kế quyền nghĩa vụ của ông Hoàng Văn N là vi phạm khoản 1 Điều 74 Bộ luật Tố tụng dân sự; vi phạm trong việc thu thập đánh giá chứng cứ không thực hiện giám định chồng ghép bản đồ để xác định việc cấp GCNQSDĐ cho hộ gia đình bà Trần Thị M có bị chồng lấn lên Sổ bìa xanh của gia đình bà Trần Thị Đ được giao năm 1998 để làm rõ nội dung tranh chấp nhưng đã chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là chưa đảm bảo căn cứ, là vi phạm Điều 97 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện UBND huyện L, tỉnh Lạng Sơn xác định trình tự cấp GCNQSDĐ cho hộ gia đình ông Bé Văn H, bà Trần Thị M là chưa đảm bảo, là vi phạm Điều 108 và khoản 4 Điều 34 Bộ luật Tố tụng dân sự; vi phạm nghĩa vụ chịu chi phí tố tụng, cụ thể sau khi xem xét thẩm định bà Trần Thị M không yêu cầu quản lý 1.162m<sup>2</sup>, rút một phần yêu cầu khởi kiện diện tích 935m<sup>2</sup>, thỏa thuận với ông Bé Văn N diện tích 527m<sup>2</sup> đất mộ, rút một phần yêu cầu bồi thường thiệt hại tài sản nhưng Bản án sơ thẩm vẫn buộc bà Trần Thị Đ phải chi toàn bộ chi phí tố tụng là vi phạm khoản 5 Điều 157, khoản 5 Điều 165 Bộ luật Tố tụng dân sự, ngoài ra còn một số vi phạm khác.

Với những vi phạm nêu trên, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 3 Điều 308, Điều 310 Bộ luật Tố tụng dân sự xử chấp nhận kháng cáo của bà Trần Thị Đ và chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn, hủy Bản án dân sự sơ thẩm số 07/2020/DS-ST ngày 20/8/2020 của Tòa án nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn giao hồ sơ cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại theo thủ tục chung.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Kháng cáo của bà Trần Thị Đ nộp tại Tòa án ngày 19/9/2020 trong thời hạn luật quy định nên kháng cáo hợp lệ.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn ông Hoàng Văn N (chết ngày 05/6/2020), Tòa án cấp sơ thẩm không xác định tư cách người thừa kế quyền và nghĩa vụ gia tố tụng của ông Hoàng Văn N là thiếu sót. Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng vắng mặt đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần hai; họ đã có lời khai, có đơn xin xét xử vắng mặt hoặc có văn bản ủy quyền cho người khác tham gia tố tụng. Theo quy định tại Điều 227, 228, 229 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[3] Xét nội dung kháng cáo của bà Trần Thị Đ Hội đồng xét xử, xét thấy: Nguồn gốc đất tranh chấp là của gia đình bà Trần Thị Đ được UBND huyện L, tỉnh Lạng Sơn giao quyền quản lý, sử dụng theo Hồ sơ đăng ký số 139 của Hạt kiểm lâm huyện L, tỉnh Lạng Sơn ngày 15/8/1998, diện tích 3,1 ha thuộc số lô 309, tiểu khu K và N, thôn N, xã S, huyện L, tỉnh Lạng Sơn, chủ hộ là ông Hoàng Văn N (chồng bà Trần Thị Đ). Ngày 30/5/2017, UBND huyện L cấp GCNQSDĐ, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền đất cho hộ ông Bé Văn H, diện tích là 12.247m<sup>2</sup>, thuộc thửa số 738, tờ bản đồ số 03, bản đồ địa chính đất lâm nghiệp xã S, huyện L, tỉnh Lạng Sơn.

[4] Theo mảnh trích đo khu đất tranh chấp thể hiện toàn bộ diện tích đất tranh chấp 12.247m<sup>2</sup>, thuộc thửa số 738, tờ bản đồ số 03, bản đồ địa chính đất lâm nghiệp xã S được cấp GCNQSDĐ cho hộ gia đình ông Bé Văn H (chồng bà Trần Thị M), nằm trong lô 309, tiểu khu K và N, thôn N, xã S, huyện L, tỉnh Lạng Sơn trước đó đã được giao cho hộ ông Hoàng Văn N (chồng bà Trần Thị Đ) quản lý, sử dụng.

[5] Nguyên đơn bà Trần Thị M cho rằng nguồn gốc đất tranh chấp là của gia đình chồng bà quản lý, sử dụng trồng thông từ năm 1996. Năm 2002 bà kết hôn với ông Bé Văn H, đầu năm 2003 bà tiếp tục trồng dặm thêm 300 cây thông ở khoảnh đất trống. Năm 2007 vợ chồng bà được bố chồng là ông Bé Văn T chia thửa đất trên cho vợ chồng quản lý, sử dụng riêng. Năm 1996 gia đình bà quản lý, sử dụng đến năm 2016 không xảy ra tranh chấp. Từ tháng 6 năm 2017 đến năm 2019, xảy ra tranh chấp đất với vợ chồng bà Trần Thị Đ và ông Hoàng Văn N. Bà Trần Thị Đ đã dùng dao dúc vỏ 97 cây thông để cây chết, chặt phá 01 bụi tre khoảng 100 cây thuộc loại măng ngọt.

[6] Bà Trần Thị Đ cho rằng đất tranh chấp là của gia đình bà được Nhà nước giao quản lý sử dụng từ năm 1998, theo Hồ sơ giao quyền quản lý đất và sử dụng rừng và đất trồng rừng, hồ sơ đăng ký số 139, ngày 15/8/1998 tại Hạt kiểm lâm huyện L, tỉnh Lạng Sơn, diện tích 3,1 ha thuộc số lô 309, tiểu khu K. K và N không trùng nhau, N là ruộng, K là đỉnh đồi. Năm 2017, xảy ra tranh chấp là do gia đình bà Trần Thị M đã được cấp GCNQSDĐ đối với lô 309 của gia đình bà đang quản lý, sử dụng. Năm 1999, UBND xã S, huyện L, tỉnh Lạng Sơn đã thu hồi "Sổ bìa xanh" của gia đình bà để làm thủ tục cấp GCNQSDĐ nhưng sau đó lại thông báo cho gia đình bà biết là lô 309 là rừng phòng hộ nên không được cấp GCNQSDĐ.

[7] Tại Công văn số 18/CV-KL ngày 11/3/2020 của Hạt kiểm lâm huyện L (BL số 133) xác định "*Hồ sơ giao quyền quản lý đất và sử dụng rừng và đất trồng rừng, hồ sơ đăng ký số 139, ngày 15/8/1998, diện tích khoảng 3,1 ha thuộc số lô 309, tiểu khu K cấp cho hộ Hoàng Văn N, thuộc xã S đã bị thất lạc do đó Hạt kiểm lâm huyện L không có căn cứ để xác định lô đất rừng trên thuộc đất rừng phòng hộ hay đất rừng khác*" và Căn cứ Văn bản số 252/UBND-TD ngày 05/3/2020 của UBND huyện L, tỉnh Lạng Sơn về việc cung cấp thông tin, chứng cứ cho Tòa án: "*UBND huyện L dựa trên văn bản số 18/CV-KL ngày 11/3/2020 của Hạt kiểm lâm huyện L cho rằng Hạt kiểm lâm không cung cấp được hồ sơ do hiện nay đã bị thất lạc và việc UBND huyện L khẳng định việc cấp GCNQSDĐ cho hộ ông Bé Văn H và bà Trần Thị M là đúng trình tự, thủ tục và đúng đối tượng sử dụng đất không có tranh chấp, phù hợp với quy hoạch sử dụng đất, phù hợp với mục đích sử dụng*".

[8] Tòa án cấp sơ thẩm đã chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị M tuyên ông Bé Văn H và bà Trần Thị M được quyền quản lý và sử dụng thửa số 738, tờ bản đồ số 03 tờ bản đồ địa chính đất lâm nghiệp xã S, huyện L, tỉnh Lạng Sơn; xét thấy, cấp sơ thẩm không yêu cầu cơ quan quản lý đất đai ở địa phương cung cấp thông tin hiện trạng sử dụng đất, thửa đất đang tranh chấp là đất rừng phòng hộ đầu nguồn hay đất rừng sản xuất để có căn cứ giải quyết vụ án; không yêu cầu cơ quan quản lý đất đai ở địa phương cung cấp thông tin thửa đất thửa đất

đang tranh chấp có nằm trong quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất không; đất có đủ điều kiện để cấp GCNQSDĐ hay không; không yêu cầu cơ quan chuyên môn giám định chồng ghép bản đồ để xác định ai là chủ sử dụng đất của thửa đất đang tranh chấp. Do đó việc Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị M là chưa đảm bảo được quyền lợi của các bên đương sự.

[9] Ngoài ra, còn một số nội dung khác chưa được cấp sơ thẩm xác minh làm rõ, cụ thể: Trên thửa đất tranh chấp có một ngôi mộ của gia đình ông Bé Văn N, quá trình giải quyết ông Bé Văn N yêu cầu được quản lý, sử dụng đất xung quanh ngôi mộ tối thiểu mỗi bên quanh mộ là 15m trở lên và lối đi lên mộ chưa được làm rõ tại cấp sơ thẩm. Nhưng quyết định công nhận sự tự thỏa thuận của đương sự, ông Bé Văn N được sử dụng 527m<sup>2</sup> đất mộ, là chưa đảm bảo quyền lợi của đương sự, gây khó khăn cho công tác thi hành án.

[10] Tại biên bản ghi lời khai ngày 11/5/2020 bà Trần Thị M trình bày theo mảnh trích đo sơ họa thửa đất có một phần diện tích đất ký hiệu A2 - A3 - A4 diện tích 1.162m<sup>2</sup> không nằm trong GCNQSDĐ của gia đình bà nên bà Trần Thị M không yêu cầu Tòa án giải quyết. Cấp sơ thẩm không xem xét yêu cầu trên là chưa giải quyết hết yêu cầu khởi kiện; đối với phần diện tích đất 935m<sup>2</sup> ghi trong GCNQSDĐ ký hiệu là A1 - A2 - A11 - A12 = 935m<sup>2</sup> nằm trong thửa 738, bà Trần Thị M không yêu cầu quản lý sử dụng vì cho rằng là đất suối, nhưng chưa được cấp sơ thẩm xác minh làm rõ. Năm 2007 vợ chồng bà Trần Thị M được ông Bé Văn T chia đất cho để quản lý, sử dụng thửa đất này. Năm 2000 ông Bé Văn T đã được cấp GCNQSDĐ nhưng chưa được Tòa án cấp sơ thẩm xác minh làm rõ việc vợ chồng bà Minh được chia đất năm 2007 có phải là tách từ GCNQSDĐ của ông Bé Văn T ra hay kê khai cấp lần đầu năm 2017.

[11] Từ những phân tích nhận định trên, thấy cấp sơ thẩm đã có những vi phạm nghiêm trọng về trình tự, thủ tục tố tụng trong việc thu thập đánh giá chứng cứ cấp phúc thẩm không thể khắc phục được cần tuyên hủy bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn giao hồ sơ cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại theo thủ tục chung.

[12] Đối với kháng nghị của Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn và quan điểm giải quyết vụ án của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phúc thẩm phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[13] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo của bị đơn được chấp nhận nên bị đơn không phải chịu tiền án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 3 Điều 308; khoản 1 Điều 310; khoản 1 Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12; khoản 3 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.



1. Chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Trần Thị Đ và kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn. Hủy Bản án dân sự sơ thẩm số: 07/2020/DS-ST ngày 20 tháng 8 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn. Giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn giải quyết lại theo thủ tục chung.

2. Án phí dân sự phúc thẩm: Do hủy bản án sơ thẩm nên bà Trần Thị Đ không phải chịu tiền án phí dân sự phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

***Nơi nhận:***

- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- TAND huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn;
- Chi cục THADS huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn;
- Các đương sự;
- Người tham gia tố tụng khác;
- HCTP, KTNV&THA;
- Lưu: Hồ sơ vụ án; Tòa DS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Hồ Đức Châm**